

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 9 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Ông Bùi Đức Khoa

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trịnh Trung T, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Trần Thị A, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trịnh Trung T là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung: Anh kết hôn với chị Trần Thị A trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng vào ngày 21 tháng 5 năm 2012. Sau lễ cưới, anh T và chị A về chung sống cùng nhau tại thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng tại nhà bố mẹ đẻ anh T, sau đó vợ chồng ra ngoài ở riêng. Cuộc sống chung vợ chồng hòa thuận đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trở nên căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái, không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế, chị A thường có những lời nói xúc phạm và không tôn trọng anh. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, tình cảm lạnh nhạt và không còn quan tâm đến nhau. Gia đình đã khuyên giải, động viên nhưng mâu thuẫn không được cải thiện. Vợ chồng đã sống

ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay. Nay, anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị A nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị A. Anh và chị A có 02 con chung tên Trịnh Chí T1, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2012 và Trịnh Chí C, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2016. Tại phiên tòa, anh T trình bày khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung, nếu không được nuôi cả hai con thì anh đề nghị được nuôi con tên Trịnh Chí T1 và để chị A nuôi con tên Trịnh Chí C. Cấp dưỡng nuôi con do anh và chị A tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh và chị A có tài sản chung nhưng để tự thỏa thuận phân chia, nếu không thỏa thuận được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, chị Trần Thị A trình bày quan điểm đồng ý ly hôn với anh Trịnh Trung T. Khi ly hôn, chị A đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung là Trịnh Chí T1 và Trịnh Chí C. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị và anh T tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Trường hợp không được nuôi cả hai con thì chị A đồng ý mỗi người nuôi một con. Chị đề nghị để anh T trực tiếp nuôi con tên Trịnh Chí C và chị được trực tiếp nuôi con tên Trịnh Chí T1 do cháu T1 đang ăn ở ổn định cùng với chị và cháu T2 cần phải có sự hướng dẫn học tập hàng ngày. Chị và anh T có tài sản chung là 01 ngôi nhà ống diện tích khoảng 75m², khi ly hôn chị A không đề nghị chia tài sản chung.

Tại biên bản lấy lời khai của con chung, cháu Trịnh Chí T1 trình bày nguyện vọng được ở cùng mẹ cháu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Trung T và chị Trần Thị A; đề nghị giao con Trịnh Chí T1 cho chị Trần Thị A trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Trịnh Chí C cho anh Trịnh Trung T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn, bị đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu của anh Trịnh Trung T ly hôn với chị Trần Thị A

Anh Trịnh Trung T và chị Trần Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng là hôn nhân hợp pháp. Tài liệu xác minh tại địa phương và tại gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và ngày càng trở nên căng thẳng từ cuối năm 2020 đến nay. Gia đình đã hòa giải động viên nhiều lần nhưng tình trạng mâu

thuần vẫn không được cải thiện. Vợ chồng đã sống ly thân nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên anh T đề nghị được ly hôn với chị A. Tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa, chị A thống nhất trình bày quan điểm đồng ý ly hôn với anh T. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Trung T và chị Trần Thị A.

[2] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con

Anh Trịnh Trung T và chị Trần Thị A có 02 con chung tên Trịnh Chí T1, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2012 và Trịnh Chí C, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2016. Tại phiên tòa, anh T và chị A thống nhất khi ly hôn mỗi người nuôi một con, nhưng anh T và chị A đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con tên Trịnh Chí T1 và không thỏa thuận được về người trực tiếp nuôi con tên Trịnh Chí C. Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự, quyền lợi về mọi mặt của con và sẽ quyết định việc giao con cho ai nuôi. Xét thấy, về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung: Anh T hiện đang là lái xe của Công ty TNHH Xuân Sơn, có ký kết hợp đồng lao động và có thu nhập ổn định là 8.500.000 đồng/tháng. Hiện, anh T đang sống cùng với bố mẹ đẻ của anh T tại thôn A, xã A, huyện T, thành phố Hải Phòng nên có thể nhờ bố mẹ hỗ trợ việc chăm sóc, đưa đón con. Đây là những điều kiện cơ bản đảm bảo cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng con. Về phía chị A, từ khi vợ chồng ly thân, các con chung sinh sống cùng với chị A tại ngôi nhà chung của chị A và anh T. Chị A hiện là lao động tự do tại địa phương có thu nhập để nuôi con. Như vậy, chị A cũng đảm bảo được các điều kiện cơ bản để chăm sóc và nuôi dưỡng con. Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ và quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con.....; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 6 năm 2021, cháu Trịnh Chí T1 trình bày mong muốn được ở cùng mẹ. Trên cơ sở xem xét cụ thể điều kiện, hoàn cảnh của các đương sự, quyền lợi và nguyện vọng của con chung nên Hội đồng xét xử giao cho anh Trịnh Trung T trực tiếp nuôi con tên Trịnh Chí C; giao chị Trần Thị A trực tiếp nuôi con tên Trịnh Chí T1 là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Anh T và chị A đều không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, anh Trịnh Trung T và chị Trần Thị A thống nhất có tài sản chung nhưng không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí, anh Trịnh Trung T và chị Trần Thị A thuận tình ly hôn nên đều phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trịnh Trung T và chị Trần Thị A.

2. Về con chung: Giao cho anh Trịnh Trung T trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trịnh Chí C, sinh ngày 25 tháng 9 năm 2016; giao cho chị Trần Thị A trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trịnh Chí T1, sinh ngày 14 tháng 10 năm 2012 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Các đương sự tạm thời không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Anh Trịnh Trung T phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0015765 ngày 11/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), anh Trịnh Trung T được nhận lại 225.000 đồng. Anh Trịnh Trung T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trần Thị A phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trịnh Trung T, chị Trần Thị A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã An Lữ, H. Thủy Nguyên;
- (giấy chứng nhận kết hôn số 71/2012)
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huân